

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện Thoại: 055 - 3822536; 3827308

Fax: 055 3822060

Email: apfcoqng@dng.vnn.vn

Website: www.apfco.com.vn hoặc www.apfco.vn

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	4
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	4
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	4
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	5
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	5
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	6
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	6
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	10
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	11
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 25. Quyền hạn, nhiệm vụ và thù lao của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	25
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	25
Điều 29. Cán bộ quản lý.....	25
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	26

Điều 31. Thư ký Công ty.....	28
Chương IX. NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY.....	28
Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.....	28
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
Chương X. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát.....	31
Điều 36. Ban kiểm soát.....	32
Chương XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	33
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	33
Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	34
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.....	34
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 39. Phân phối lợi nhuận.....	34
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	35
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	36
Điều 41. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 42. Năm tài khóa.....	36
Điều 43. Hệ thống kế toán.....	36
Chương XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	37
Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	37
Điều 45. Báo cáo thường niên.....	37
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 46. Kiểm toán.....	37
Chương XVII. CON DẤU.....	38
Điều 47. Con dấu.....	38
Chương XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	38
Điều 48. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	39
Điều 50. Thanh lý.....	39
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	39
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	40
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	41
Điều 53. Ngày hiệu lực.....	41
Điều 54. Chữ ký của Tổng Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập theo quyết định số 3140/QĐ-CT ngày 19/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cty số 3403000019 do phòng Đăng ký kinh doanh của sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ngãi cấp ngày 26 tháng 12 năm 2003.

Trước khi có Điều lệ này, Điều lệ đầu tiên của Cty được ĐHCĐ thành lập thông qua ngày 14/12/2003 tại Khách sạn Trung Tâm số 784 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi. Điều lệ Cty được bổ sung sửa đổi tại các ĐHCĐ thường niên năm 2006, năm 2007 và năm 2009.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của ĐHCĐ thường niên tổ chức ngày 29 tháng 04 năm 2013.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

c) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d) "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm và Giám đốc các chi nhánh (các đơn vị trực thuộc) do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

e) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm.

f) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

g) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

h) "Việt Nam" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

i) Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Ký hiệu viết tắt:

Cty: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

ĐHCD: Đại hội đồng cổ đông.

HDQT: Hội đồng quản trị.

BKS: Ban kiểm soát.

TGD: Tổng giám đốc.

LDN: Luật Doanh nghiệp.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của công ty

1. Tên công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

- Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural products and foodstuff joint stock company.

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi.

- Tên viết tắt: APFCO

- Biểu tượng (Logo): Chữ APFCO màu đỏ nằm giữa hình bầu dục nằm ngang màu xanh lá cây.

2. Cty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính đăng ký của Cty là:

- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Điện thoại: (055) 3822536; 33827308; 3822529.

- Fax: (055) 3822060

- E-mai: apfcoqng@dng.vnn.vn

- Website: www.apfco.com.vn

4. TGD là Người đại diện theo pháp luật của Cty.

5. Cty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Cty phù hợp với nghị quyết của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48.2 và Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Cty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Cty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Cty là:

- Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn, tinh bột biến tính và các sản phẩm từ tinh bột.
- Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm, cồn ethanol, khí CO₂ và các sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất cồn.
- Sản xuất và kinh doanh phân hữu cơ.
- Chế tạo, sản xuất, gia công thiết bị cơ khí và cấu kiện kim loại. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng khác. Thoát nước và xử lý nước.
- Đầu tư kinh doanh khai thác và quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. Cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho thuê văn phòng làm việc.
- Tư vấn công nghệ, đầu tư xây dựng và chuyển giao hệ thống xử lý nước thải, thu hồi khí Biogas. Xuất khẩu tín chỉ chứng nhận giảm thiểu phát thải.
- Gia công may mặc xuất khẩu
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Đại lý mua bán hàng hóa.
- Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng: Đường, bia, thuốc lá điếu, rượu, sữa, sản lát khô, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lâm sản chế biến, máy móc thiết bị và phụ tùng nông nghiệp, nhiên liệu rắn, lỏng, khí, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh tổng hợp.

2. Mục tiêu hoạt động của Cty là không ngừng phát triển sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Cty cho các Cổ đông; không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Cty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Cty.

2. Cty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được ĐHCĐ thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Cty là: 90.781.180.000đ (Chín mươi tỷ, bảy trăm tám mươi triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Cty được chia thành 9.078.118 cổ phần với mệnh giá là 10.000đ.

2. Cty có thể tăng vốn điều lệ khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Cty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12.

4. Cty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của LDN sẽ được nêu tại phụ lục số: 1/ĐLNSTP đính kèm.

6. Cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Cty, trừ trường hợp ĐHCĐ quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết do HĐQT quyết định.

7. Cty có thể mua cổ phần do chính Cty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Cty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Cty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Cty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Cty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Cty theo các quy định của LDN. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin theo LDN.

3. Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc có thể lâu hơn theo điều kiện phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Cty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Cty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Cty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Cty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của TGD.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Cty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, HĐQT có quyền thu hồi số cổ phần đó. HĐQT có thể chấp

nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Cty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Cty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông.
- b) Hội đồng quản trị.
- c) Ban kiểm soát.
- d) Tổng giám đốc.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Cty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Cty trong phạm vi số vốn đã góp vào Cty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại ĐHCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

b) Nhận cổ tức;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Cty, sổ biên bản họp ĐHCĐ và các nghị quyết của ĐHCĐ;

g) Trường hợp Cty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Cty sau khi Cty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Cty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của LDN;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại các Điều 24.6 và Điều 35.2;

b) Yêu cầu triệu tập ĐHCĐ;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHCĐ;

d) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Cty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Cty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ tham gia các cuộc họp ĐHCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHCĐ.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Cty. ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHCĐ thường niên. ĐHCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Cty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự ĐHCĐ để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. HĐQT phải triệu tập ĐHCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Cty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà pháp luật pháp luật quy định hoặc ít hơn $\frac{1}{2}$ số thành viên quy định trong điều lệ.

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHCĐ bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e) BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý Cty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 LDN hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Cty.

4. Triệu tập họp ĐHCĐ bất thường:

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Khoản 3c) của Điều 13 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e của Điều 13 của Điều lệ này;

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại Khoản 4a) Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định Khoản 5 Điều 97 LDN.

c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định tại Khoản 4b của Điều 13 của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d của Điều 13 của Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHCĐ theo quy định Khoản 6 Điều 97 LDN.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHCĐ sẽ được Cty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Địa điểm họp ĐHCĐ thường niên và ĐHCĐ bất thường phải được lựa chọn phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
- b) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Cty.

2. ĐHCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính năm.
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với LDN và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. ĐHCĐ quyết định mức trả cổ tức theo kiến nghị của HĐQT.
- c) Số lượng thành viên của HĐQT và số lượng thành viên của BKS;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Cty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Cty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Cty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Cty và các cổ đông của Cty;
- l) Quyết định giao dịch bán tài sản Cty hoặc giao dịch mua hoặc các phương án đầu tư, dự án đầu tư của Cty có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Cty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m) Cty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành
- n) Cty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của LDN với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Cty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

o) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Cty.

p) Phê chuẩn chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh TGD.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHCĐ.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Cty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Cty)

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Cty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Cty sẽ không bị thay đổi khi Cty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. HĐQT triệu tập ĐHCĐ, hoặc ĐHCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4b và 4c của Điều 13 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập ĐHCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHCĐ trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHCĐ; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Cty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c) Thông báo và gửi thông báo họp ĐHCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp ĐHCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niên yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Cty.

Thông báo Họp ĐHCĐ được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp ĐHCĐ.

Chương trình họp ĐHCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên website của Cty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Cty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHCĐ bàn bạc và thông qua.

6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHCĐ, những quyết định được ĐHCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHCĐ lần thứ nhất. ĐHCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và

được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa ĐHCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHCĐ

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Vào ngày tổ chức ĐHCĐ, Cty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp ĐHCĐ được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT bầu một thành viên HĐQT khác làm chủ tọa; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHCĐ điều khiển để ĐHCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp ĐHCĐ;

d) ĐHCĐ bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHCĐ.

4. Chủ tọa và thư ký ĐHCĐ có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong

trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp ĐHCĐ có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

10. Hàng năm Cty tổ chức ĐHCĐ ít nhất một (01) lần. ĐHCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của ĐHCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm,

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm TGD.

c) Tổ chức lại, giải thể Cty.

3. Quyết định của ĐHCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Cty; tổ chức lại, giải thể Cty;

đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của ĐHCĐ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;

6. Quyết định của ĐHCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Cty;

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Cty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và TGD;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Cty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Cty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Cty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, TGD và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website Cty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Cty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì ĐHCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHCĐ. Biên bản ĐHCĐ phải được công bố trên website của Cty trong thời hạn 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi ĐHCĐ kết thúc.

Biên bản ĐHCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và thư ký ĐHCĐ, và được lập theo quy định của LDN và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Cty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong trường hợp quyết định của ĐHCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập ĐHCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHCĐ trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại LDN và Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của LDN.

b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là cổ đông sáng lập Cty hoặc là người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Cty trên năm (5) năm, có sức khỏe tốt và có ý thức chấp hành pháp luật và Điều lệ này.

c) Thành viên HĐQT của Cty không được đồng thời là cán bộ quản lý của các doanh nghiệp có cùng ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Cty.

2. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là bảy (7) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (5) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

5. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông Cty.

6. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. Và Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Cty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

8. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của LDN và Điều lệ này hoặc bị luật pháp và Điều lệ này cấm không được làm thành viên HĐQT;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Cty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (6) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHCĐ.

9. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được sự chấp thuận tại ĐHCĐ tiếp sau đó. Sau khi được ĐHCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên mới được tính từ ngày bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

10. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền hạn, nhiệm vụ và thù lao của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Cty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Cty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ.

2. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần của Cty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của LDN;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của LDN.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cty.

Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 108 LDN và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 120 LDN do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Cty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh)

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD. Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm Phó TGD, Kế toán trưởng do TGD đề nghị. Quyết định cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Cty khác do Chủ tịch HĐQT đề nghị;

i) Giám sát TGD và cán bộ quản lý khác.

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, biên chế, định biên, quỹ lương; phê duyệt quy chế quản lý nội bộ Cty: Quy chế tiền lương- tiền thưởng, Quy chế tài chính, Quy chế xây dựng cơ bản; Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện; Quyết định góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác không vượt quá 10% vốn điều lệ; Và quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại trừ cổ phần của cán bộ quản lý Cty;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ, triệu tập họp ĐHCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHCĐ thông qua quyết định;

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính năm lên ĐHCĐ;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Quyết định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng các quỹ theo nghị quyết của ĐHCĐ;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Cty;

q) Quyết định đình chỉ các quyết định của TGD nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ Cty, nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT hoặc gây thiệt hại lợi ích của Cty;

r) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của LDN và Điều lệ này.

3. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Cty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Cty gây thiệt hại cho Cty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Cty, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Cty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

5. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo qui định của pháp luật và theo quy định của Điều lệ này.

6. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình. Tổng thù lao cho HĐQT do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí, nếu không thỏa thuận được thì chia đều giữa các thành viên HĐQT. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên HĐQT phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Cty trình ĐHCĐ. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc các thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc các thành viên HĐQT thực hiện các công việc khác nằm ngoài nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận theo quyết định của HĐQT.

7. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc

tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc của tiểu ban của HĐQT, hoặc ĐHCĐ.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Cty, công ty con, công ty liên kết của Cty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Cty.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Việc Chủ tịch kiêm TGD phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHCĐ thường niên.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Giải quyết công việc hàng ngày do HĐQT phân quyền;
- b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- c) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- d) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
- e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- f) Chủ tọa họp ĐHCĐ do HĐQT triệu tập;
- g) Thay mặt HĐQT Ký các quyết định của HĐQT;
- h) Tạm thời đình chỉ những quyết định của TGD khi những quyết định đó vi phạm điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT hoặc xét thấy những quyết định đó gây thiệt hại, tổn thất cho Cty và sau đó phải thông qua HĐQT để có quyết định chính thức trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ;
- i) Kiến nghị HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm phó Chủ tịch HĐQT, TGD và người đại diện Cty sở hữu phần vốn góp của Cty ở các doanh nghiệp khác. Thay mặt HĐQT ký kết Hợp đồng lao động với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và Thư ký Cty;
- k) Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt trên 30 ngày tại Việt Nam phải uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Cty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được thì Phó Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán;

l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định tại LDN và Điều lệ này.

3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Cty, báo cáo kiểm toán (nếu có) và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHCĐ;

4. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Cty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) TGD hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý.
- b) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT.
- c) Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Cty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Cty.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành trong lãnh thổ Việt Nam ở địa chỉ đã đăng ký của Cty hoặc những địa chỉ khác cũng trong lãnh thổ Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp HĐQT phải được làm văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Cty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp. Số lượng thành viên dự họp tối thiểu được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

9. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27 của Điều lệ này, mỗi thành viên HĐQT trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Cty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Khoản 9b Điều 27 của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 4a và 4b của Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Cty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

13. Biên bản họp HĐQT:

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

14. Các tiểu ban của HĐQT:

HĐQT có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban, nhưng:

a) Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;

b) Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

15. Giá trị pháp lý của hành động:

Các hành động thực thi quyết định của: HĐQT hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.

16. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là đại điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CTY VÀ THƯ KÝ CTY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Cty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Cty có một TGD, các Phó TGD, một Kế toán trưởng và một số cán bộ quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Cty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Cty do HĐQT đề xuất từng thời điểm. Cán bộ quản lý Cty là TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng và Giám đốc các chi nhánh (đơn vị trực thuộc) của Cty. Cán bộ quản lý Cty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Cty đạt được các mục tiêu đề ra

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng với TGD do HĐQT quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của TGD. TGD phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của LDN;

b) Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ hoặc là một người có kinh nghiệm quản lý trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Cty tối thiểu năm (5) năm và tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật;

c) Không kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành nào trong các tổ chức kinh tế khác.

d) Phải thường trú tại Việt Nam.

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo qui định của LDN và Điều lệ này.

2. Bổ nhiệm. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm TGD và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Cty.

3. Nhiệm kỳ TGD là năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của TGD. TGD có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Cty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Cty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b) Kiến nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, thù lao và các lợi ích khác các chức danh Phó TGD, Kế toán trưởng cho HĐQT quyết định. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, thù lao và các lợi ích chức danh Giám đốc các đơn vị trực thuộc;

c) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; ký hợp đồng lao động theo pháp luật hiện hành đối với tất cả lao động và cán bộ quản lý trừ cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT;

d) Quyết định giá mua, giá bán trong sản xuất kinh doanh của Cty trừ những sản phẩm, dịch vụ do nhà nước qui định và quyết định các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;

e) HĐQT quy định cụ thể mức giá trị tối đa các hợp đồng tài chính (vay, mượn) và hợp đồng thương mại (mua, bán) cho TGD quyết định. TGD thay mặt Cty ký kết các hợp đồng theo quy định nêu trên của HĐQT và Luật pháp.

f) Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT và của HĐQT nếu thấy trái luật, trái điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ đồng thời có trách nhiệm thông báo ngay cho BKS;

g) Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp và chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho HĐQT và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp tục giải quyết;

h) Chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm cho năm tài chính tiếp theo. Hàng quý phải báo cáo HĐQT tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Cty;

i) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHCĐ và HĐQT thông qua;

k) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Cty;

l) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Cty (sau đây gọi là bản dự toán): phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Cty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Cty.

m) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Cty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và pháp luật.

n) TGD phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Cty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Cty, hợp đồng lao động ký với Cty và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Cty thì TGD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Cty.

5. Ủy quyền của TGD

Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cán bộ quản lý Cty hoặc người khác theo quy định của Pháp luật nhằm thay mặt mình giải quyết một số công việc của Cty. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản và phải công bố trên Website Cty.

6. Từ nhiệm và bãi nhiệm TGD

a) TGD muốn từ nhiệm phải viết đơn gửi HĐQT; trong thời hạn 45 ngày HĐQT xem xét quyết định.

- b) TGD bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Tự ý bỏ nhiệm sở 7 ngày liên tục không lý do;
 - Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 13 của LDN;
 - Từ nhiệm và được HĐQT chấp thuận;
 - TGD không hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này;
 - Cty bị giải thể theo quyết định của ĐHCĐ.
- c) HĐQT có quyền bãi nhiệm TGD bất kỳ lúc nào khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của TGD) .
- d) Trong trường hợp TGD bị bãi nhiệm, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm TGD mới trong thời hạn 30 ngày.

Điều 31. Thư ký Công ty

HĐQT sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Cty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Cty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Cty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Cty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với pháp luật.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.

Thư ký Cty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Cty.

Chương IX

NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TGD VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY.

Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Cty.

Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý Cty được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực và theo phương thức

mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Cty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Cty vì mục đích cá nhân đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý Cty có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Cty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Cty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, TGD, cán bộ quản lý Cty và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHCĐ có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Cty với: một hoặc nhiều thành viên HĐQT, TGD, cán bộ quản lý Cty hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý Cty hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban HĐQT liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan hoặc:

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý Cty hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Cty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5. Thành viên HĐQT, TGD, cán bộ quản lý Cty hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Cty hoặc công ty con của Cty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý Cty vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Cty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Cty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Cty).

Nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý Cty, nhân viên hoặc là đại diện được Cty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Cty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý Cty, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Cty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

Với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Cty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Cty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS ít nhất là ba (3) thành viên và nhiều nhất là năm (5) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Cty và không phải là nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Cty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS phải tuân theo điều 122 của LDN 2005.

BKS phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban, Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp BKS;
- b) Yêu cầu HĐQT, TGD và cán bộ quản lý Cty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
- c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHCĐ.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Cty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Cty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Các thành viên của BKS do ĐHCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Cty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của HĐQT.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Cty phải có BKS và BKS sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của LDN và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Cty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Cty nếu thấy cần thiết;

d) Thẩm định các báo cáo tài chính năm và sáu tháng;

e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của TGD;

g) Xem xét báo cáo của Cty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và

h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của TGD.

2. Thành viên của HĐQT, TGD và cán bộ quản lý Cty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Cty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Cty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu bốn lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là ba người.

4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS. Thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành viên BKS được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của ĐHCĐ. ĐHCĐ quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

b) Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHCĐ chấp thuận.

c) Thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Cty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm của Cty.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông liên tục ít nhất sáu tháng có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Cty: danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và cán bộ quản lý Cty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Cty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Cty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Cty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHCĐ và HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Cty phải được công bố trên website riêng của Cty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. TGD phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Cty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Cty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. ĐHCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Cty.

2. Theo quy định của LDN, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Cty.

3. Cty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị ĐHCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Cty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam . Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Cty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Cty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Cty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ LDN, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được

quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Cty cổ phần, lợi nhuận của Cty gồm:

- a) Lợi nhuận trước thuế = Tổng thu nhập - Tổng chi phí
- b) Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Lợi nhuận sau thuế được phân phối theo trình tự như sau:

- a) Bù khoản lỗ các năm trước mà các khoản lỗ đó không được trừ vào lợi nhuận trước thuế;
- b) Trả tiền phạt vi phạm pháp luật nhà nước sau khi đã trừ tiền bồi thường tập thể, cá nhân gây ra (nếu có);
- c) Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế;
- d) Loại trừ lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện;
- e) Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);
- f) Phần còn lại sau khi trừ các khoản (a, b, c, d, e) vào cuối năm tài chính đều thuộc quyền sở hữu của cổ đông do HĐQT đề nghị và ĐHCĐ quyết định phân chia:

Mức trích (% LN còn lại sau khi trừ các khoản:a, b, c, d, e)	Đối tượng được trích
10%	Lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi bằng 25% vốn điều lệ.
5% đến 15%	Lập quỹ tích lũy tái đầu tư phát triển
5% đến 15%	Lập quỹ khen thưởng, phúc lợi xã hội
Số còn lại	Chia cổ tức.

3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận sẽ do HĐQT quyết định việc trích lập theo quy chế tài chính của Cty.

4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHCĐ quyết định cho từng năm.

5. Tùy thuộc tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, HĐQT có thể ứng trước cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 6 tháng.

6. Các trường hợp đặc biệt liên quan đến phân phối lợi nhuận do HĐQT đề nghị ĐHCĐ quyết định;

7. Các trường hợp khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo qui định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Cty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Cty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Cty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Cty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Cty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 43. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Cty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Cty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Cty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Cty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Cty.

3. Cty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Cty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Cty nộp báo cáo tài chính năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Cty trong năm tài chính. Bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Cty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Cty phải được công bố trên website Cty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Cty, tại trụ sở chính Cty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Cty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. ĐHCĐ thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT hoặc BKS lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Cty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Cty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Cty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Cty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Cty được phép tham gia các cuộc họp ĐHCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại ĐHCĐ về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XII

CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. HĐQT sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Cty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. HĐQT, TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Cty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHCĐ;
- b) Tòa án tuyên bố Cty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Cty trước thời hạn do ĐHCĐ quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay có thể xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Cty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 50. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Cty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Cty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do ĐHCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Cty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Cty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Cty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Cty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Cty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Cty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Cty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Cty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ

quyền hoặc nghĩa vụ do LDN hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Cty; hoặc
- b) Cổ đông với HĐQT, BKS, TGD hay cán bộ quản lý Cty.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm ngày làm việc kể từ ngày khiếu nại.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp hòa giải không thành thì các bên có quyền khiếu nại ra tòa hoặc trọng tài kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các lệ phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHCĐ xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Cty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Cty.

SAO

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 54 điều, được ĐHCĐ thường niên Cty nhất trí thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2013 tại Hội trường Khách sạn Hùng Vương, 45 Đại lộ Hùng Vương, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
 - b) 02 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của pháp luật.
 - c) 07 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Cty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu hai thành viên HĐQT mới có giá trị.

Điều 54. Chữ ký của Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Cty.



Tổng giám đốc



Võ Văn Danh



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Văn Danh